

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/DSST  
Ngày: 15-7-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Lê Thanh Bình;**

**Ông Lê Văn Bài.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2024/TLST-DS, ngày 06-3-2024; về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS, ngày 31-10-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST –DS ngày 24-6-2024 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Vũ T, sinh năm 1979; Địa chỉ: K1, TT.CQ, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**Người đại diện ủy quyền của anh T:** Anh Trần Kiến Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp NH, xã TH, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Lê Thanh Hoàng N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp ĐPC, xã LT, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Do quen biết nên anh Nguyễn Vũ T (tên thường gọi D) có cho anh Lê Thanh Hoàng N vay tổng cộng 04 lần, cụ thể từng lần vay và số tiền vay như sau:

Lần 01, vào ngày 09/6/2023 (dương lịch) anh T có cho anh N vay 50.000.000 đồng, anh N có viết biên nhận nợ cho anh T (biên nhận là do anh N tự viết), có hẹn 10 ngày sau trả lại đủ số tiền vốn vay 50.000.000 đồng cho anh T, nên không có thỏa thuận lãi suất.

Lần 02, vào ngày 06/7/2023, anh T có cho anh N vay thêm 30.000.000 đồng, lần vay tiền này anh T là người viết chung biên nhận vay lần 01, từ dòng chữ phía dưới ngày 09-06-2023 (*nội dung ngày 06-07-2023 lấy thêm 30 triệu, TC: 80.000.000đ, anh N có ký tên*), không có thỏa thuận lãi suất và cũng có thời thỏa thời gian trả lại tiền vốn vay 30.000.000 đồng.

Lần 03, vào ngày 23/7/2023, anh T tiếp tục cho anh N vay thêm 100.000.000 đồng, anh T là người viết giấy vay mượn tiền, anh T ký tên bên cho vay, anh N ký tên bên vay mượn, thỏa thuận lãi suất bên ngoài 5%/tháng, có ghi trong biên nhận là đóng lãi hàng tháng.

Lần 04, vào ngày 06/8/2023 anh T có cho anh N vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, lần vay tiền này được viết chung biên nhận vay tiền lần 03 (ngày 23/7/2023) chữ viết là của anh T, anh T ký tên bên cho vay, anh N ký tên bên vay mượn.

Tổng cộng 04 lần vay tiền kể trên anh N vay của anh T bằng 280.000.000 đồng. Đối với số tiền vốn vay 30.000.000 đồng vào ngày 06-7-2023 anh T tự nguyện xin rút lại không yêu cầu.

Lãi suất hai bên thỏa thuận bên ngoài cho 04 lần vay tiền trên là 5%/tháng, không có ghi vào biên nhận, có số tiền vay lần 01 anh N hứa 10 ngày trả vốn vay, còn lại 03 lần vay sau không có thỏa thuận thời hạn trả. Anh N có đóng lãi cho anh T đến tháng 12/2023 thì không đóng lãi nữa cho đến nay, đóng lãi không có làm giấy tờ.

Nay đại diện anh Nguyễn Vũ T yêu cầu anh Lê Thanh Hoàng N trả cho anh T tiền vốn vay con nợ bằng 250.000.000 đồng, anh T không yêu cầu tính lãi.

**Ý kiến của bị đơn anh Lê Thanh Hoàng N trình bày:** Anh với anh Nguyễn Vũ T (tên thường gọi là D) là bạn bè, anh có mượn tiền của anh T bằng 200.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 01: vào ngày 09/6/2023, anh vay số tiền vốn 50.000.000 đồng, anh có viết biên nhận nợ cho anh T (D), biên nhận do anh T giữ.

Lần 02: vào ngày 23/7/2023, anh có vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, lần vay này anh T viết biên nhận nợ và anh có ký tên, ở lần vay tiền này có cộng chung với số tiền vay lần 01 nữa bằng 100.000.000 đồng, anh nghĩ anh T đã cộng chung hai lần vay tiền nên anh không có yêu cầu anh T xóa số tiền vốn vay lần 01, anh nhìn thấy số tiền 100.000.000 đồng là đúng nên anh ký tên vào biên nhận nợ cho anh T giữ.

Lần 03: vào ngày 06/8/2023, anh vay số tiền 100.000.000 đồng, anh T là người viết biên nhận nợ anh có ký tên.

Tổng cộng anh chỉ nợ anh T tiền vốn vay bằng 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bên ngoài 10%/tháng, từ ngày 06/8/2023 đến tháng 11 năm 2023 anh có đóng lãi cho anh T bằng 50.000.000 đồng, đóng lãi không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến, không có yêu cầu gì.

Đối với số tiền vốn vay 30.000.000 đồng anh T ghi bổ sung vào biên nhận ngày 06/7/2023 là anh không có vay.

Anh N thống nhất trả cho anh Nguyễn Vũ T số tiền vốn vay còn nợ bằng 200.000.000 đồng, yêu cầu anh T không tính lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ:* Biên nhận ngày 09/6/2023, ngày 23/7/2023 và ngày 06/8/2023 (bản chính), CCCD (photo); Bị đơn cung cấp CCCD (photo);

**Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:**

Lần 03: Vào ngày 06/8/2023, anh Lê Thanh Hoàng N có vay của anh Nguyễn Vũ T số tiền vốn vay bằng 100.000.000 đồng;

**Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:**

Anh Nguyễn Vũ T yêu cầu anh Lê Thanh Hoàng N trả tiền vốn vay bằng 150.000.000 đồng của 02 biên nhận vay lần 01, lần 02;

Anh Lê Thanh Hoàng N thừa nhận còn nợ anh Nguyễn Vũ T bằng 100.000.000 đồng ở biên nhận vay lần 02, còn biên nhận vay tiền lần 01 đã tính gộp chung qua biên nhận vay lần 02, nên anh không đồng ý trả theo yêu cầu của anh T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Anh Trần Kiến Q đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Anh Lê Thanh Hoàng N vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Anh Trần Kiến Q đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay bằng 30.000.000 đồng tại biên nhận vay ngày 06/7/2023. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung:* Trong quá trình giải quyết anh Nguyễn Vũ T với anh Lê Thanh Hoàng N có lời khai thống nhất anh N có vay của anh T 03 lần tiền, cụ thể lần 01, vào ngày 09/6/2023 số tiền vốn vay bằng 50.000.000 đồng, lần 02, vào ngày 23/7/2023 số tiền vốn vay bằng 100.000.000 đồng, lần 03 vào, ngày 06/8/2023 số tiền vốn vay bằng 100.000.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2024 anh N trình bày đối với số tiền vốn vay bằng 50.000.000 đồng ở lần vay thứ 01, sau khi anh vay tiền ở lần vay thứ 02 anh T có ghi số tiền vốn vay bằng 100.000.000 đồng, anh nghĩ anh T đã cộng chung hai lần vay tiền (lần 01, 02) nên anh không có yêu cầu anh T xóa số tiền vốn vay của lần 01, anh nhìn thấy số tiền 100.000.000 đồng là đúng nên anh ký tên vào biên nhận nợ giao cho anh T giữ, anh N thừa nhận chỉ nợ anh T số tiền vay bằng 200.000.000 đồng và đồng ý trả.

[4] Quá trình giải quyết, Tòa án có yêu cầu anh Lê Thanh Hoàng N cung cấp chứng cứ để chứng minh số tiền vốn vay bằng 50.000.000 đồng ở lần vay thứ 01 anh T đã viết gộp chung biên nhận vay tiền lần 02 như anh trình bày, trong suốt quá trình tham gia tố tụng ngoài lời trình bày anh N cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh anh còn nợ anh T số tiền vốn vay bằng 200.000.000 đồng, nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy anh N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do anh T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn anh Lê Thanh Hoàng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn anh Lê Vũ T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ T.

2. Buộc anh Lê Thanh Hoàng N có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Vũ T tiền vốn vay còn nợ bằng 250.000.000 đồng; Anh Nguyễn Vũ T không yêu cầu tính lãi.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

#### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc anh Lê Thanh Hoàng N phải chịu 12.500.000 đồng án phí.

Anh Nguyễn Vũ T không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000447 ngày 06-3-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho anh Nguyễn Vũ T.

**4. Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mỹ Chấm**